PHƯƠNG ÁN TỔNG MẶT BẰNG *(kèm theo Văn bản số /UBND-HTĐT ngày tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

CÔNG TRÌNH: CHỢ TRUNG TÂM XÃ NGOK BAY GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KHU DÂN CƯ, PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẤU GIÁ, TẠO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

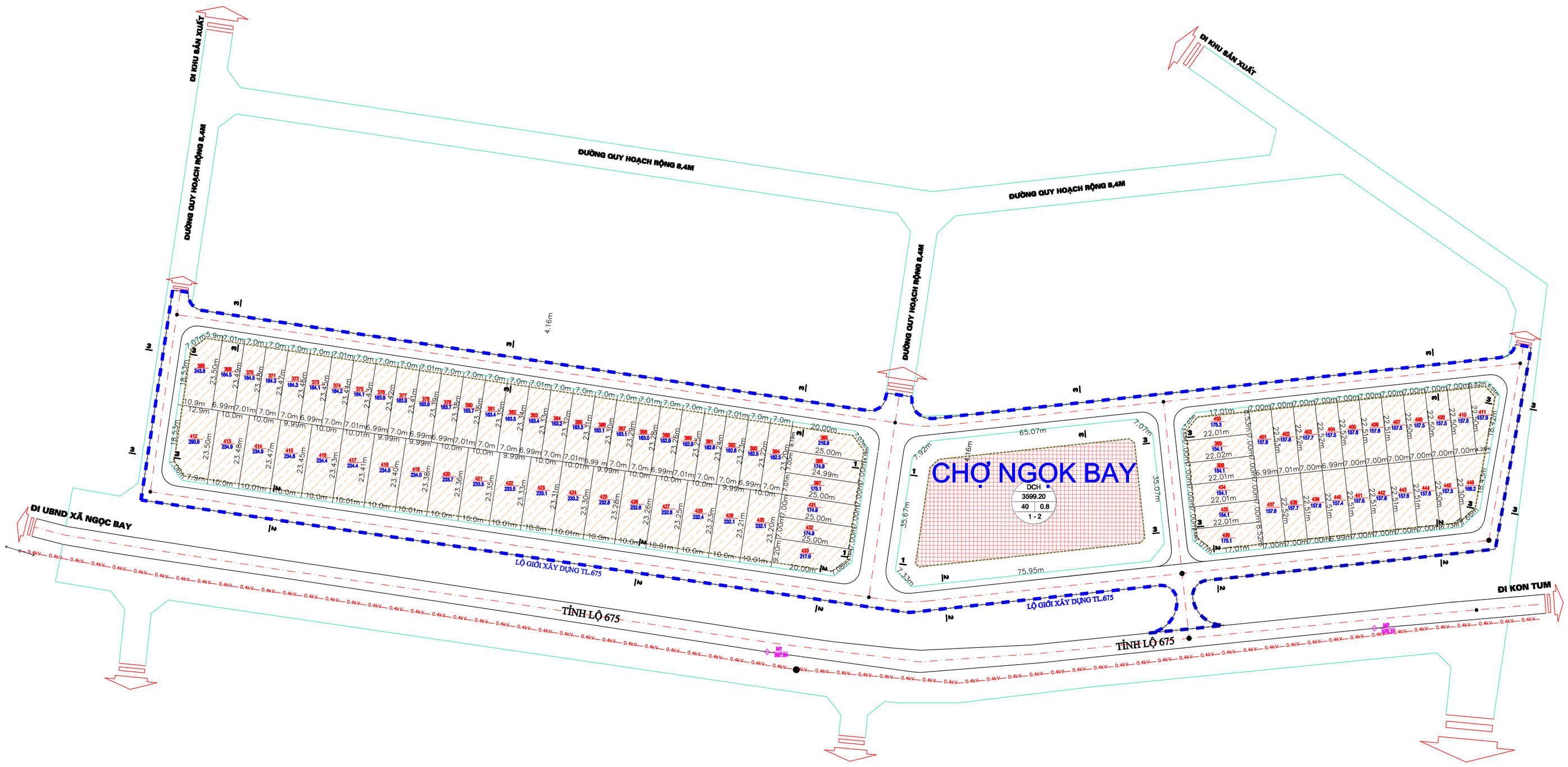

PHỤ LỤC: CHỈ TIÊU MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TỪNG LÔ ĐẤT

LÔ ĐẤT *(số)*	DIỆN TÍCH *(m2)*	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA *(%)*	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TỐI ĐA *(lần)*
1	216,95	68	1,37
2	175,00	75	1,50
3	175,00	75	1,50
4	175,00	75	1,50
5	175,00	75	1,50
6	216,95	68	1,37
7	232,07	67	1,34
8	232,24	67	1,34
9	232,41	67	1,34
10	232,58	67	1,33
11	232,75	67	1,33
12	232,92	67	1,33
13	233,09	67	1,33
14	233,26	67	1,33
15	233,43	67	1,33
16	233,6	67	1,33
17	233,77	67	1,33
18	233,94	67	1,33
19	234,11	67	1,33
20	234,28	67	1,33
21	234,45	67	1,33
22	234,62	67	1,33
23	234,79	67	1,33
24	234,96	67	1,33
25	290,84	61	1,22
26	243,86	66	1,31
27	164,52	77	1,54
28	164,43	77	1,54
29	164,35	77	1,54
30	164,27	77	1,54
31	164,18	77	1,54
32	164,1	77	1,54
33	164,02	77	1,54
34	163,93	77	1,54
35	163,85	77	1,54
36	163,77	77	1,54
37	163,68	77	1,55
38	163,6	77	1,55
39	163,52	77	1,55
40	163,43	77	1,55
41	163,35	77	1,55
42	163,27	77	1,55
43	163,23	77	1,55
44	163,1	77	1,55
45	163,02	77	1,55
46	162,93	77	1,55
47	162,85	77	1,55
48	162,77	77	1,55
49	162,69	77	1,55
50	162,6	77	1,55
51	162,52	77	1,55
52	162,44	78	1,55
53	168,13	76	1,53
54	157,48	79	1,57
55	157,52	78	1,57
56	157,54	78	1,57
57	157,56	78	1,57
58	157,58	78	1,57
59	157,56	78	1,57
60	157,62	78	1,57
61	157,68	78	1,57
62	157,66	78	1,57
63	175,15	75	1,50
64	154,02	79	1,58
65	154,02	79	1,58
66	154,02	79	1,58
67	154,02	79	1,58
68	175,15	75	1,50
69	157,66	78	1,57
70	157,68	78	1,57
71	157,61	78	1,57
72	157,56	78	1,57
73	157,58	78	1,57
74	157,56	78	1,57
75	157,55	78	1,57
76	157,53	78	1,57
77	157,51	78	1,57
78	157,49	79	1,57
79	157,92	78	1,57

GHI CHÚ

- ĐẤT Ở
- ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

DO1 — DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)
10122.31 — TÊN LÔ ĐẤT
61-79 — HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)
1 - 2 — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
TẦNG CAO (TẦNG)

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

CHÚ THÍCH

- M : MƯƠNG THOÁT NƯỚC MƯA
- N : ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
- Đ : ĐƯỜNG ĐIỆN
- C : THOÁT NƯỚC BẨN

523.32 / 518.13 N1 — CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
I=0.00% — ĐỘ DỐC, HƯỚNG DỐC
L=72.27M — CHIỀU DÀI
R7.88 — BÁN KÍNH BÓ VỈA

BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	DANH MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	CHIỀU CAO (TẦNG)	MĐXD (%)	HSSD ĐẤT (LẦN)
I	Đất ở	DO	14.408,70	54,17			*theo bảng phụ lục chi tiết*
		DO1	*10.122,31*		*1 - 2*	*61%-79%*	
		DO2	*4.286,39*		*1 - 2*	*61%-79%*	
II	Đất chợ	DCH	3.599,20	13,53	*1 - 2*	*40%*	*0,8*
III	Đất giao thông	GT	8.589,86	32,30			
	TỔNG CỘNG		26.597,76	100,00			